| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK GLONG**<br>TỈNH ĐẮK NÔNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2017/HS-ST
Ngày 30-11-2017

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà H'Jông và bà H'Mhêl.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Kiều Thị Thành-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 17-11-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HS ngày 17-11- 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Đức L**; tên gọi khác: P; sinh năm 1983 tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT: Khu B, phường L, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 3/12; con ông Vũ Văn D và bà Bùi Thị C; tiền sự: Không; tiền án: 01, cụ thể : Ngày 02-9-2007 phạm tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2007/HS-ST ngày 14-11-2007, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt L 06 tháng tù, đã được xóa án tích; ngày 10-12-2013 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2015/HSPT ngày 21-4-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt L 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-12-2015, chưa được xóa án tích; có vợ là Nguyễn Thị Kim X *(đã ly hôn)* và 01 con; bị bắt ngày 21-8-2017 theo Quyết định truy nã số 01 ngày 19-12-2016 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong.

*Người bị hại:* Bà Bùi Thị L; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV Đ, người đại điện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D - Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất D, chức vụ : Đội trưởng Đội quản lý bảo vệ rừng, theo Giấy ủy quyền đề ngày 28-11-2017; có mặt;

*Người làm chứng:*

- Ông Tạ Bửu Phương E; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đắk Glong; vắng mặt.

- Ông Lê Văn N; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ; vắng mặt.

- Bà Dương Thị K; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ; vắng mặt;

- Ông Lê Quang N; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ; vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2016, do có mối quan hệ quen biết với Bùi Thị L và Tạ Bửu Phương E nên Vũ Đức L thỏa thuận chuyển nhượng cho L 02 ha đất với giá 200.000.000 đồng và cho 01 ha thì L đồng ý.

Ngày 15-3-2016, L dẫn L, Phương E và Nguyễn Văn S đi xem lô đất tại Lô 11 khoảnh 13 Tiểu khu 1668 thuộc Bon R, xã Q, có diện tích là 2,72ha do Công ty TNHH MTV Đ quản lý để chuyển nhượng cho L. Sau đó, L đưa trước cho L số tiền 50.000.000 đồng có sự chứng kiến của S và Phương E. Sau khi nhận tiền, L đưa cho L mượn lại 2.000.000 đồng.

Một thời gian sau, L nhờ một người tên M *(không rõ nhân thân, lai lịch)* làm giả "Hợp đồng mua bán" và sơ đồ thửa đất, có chữ ký của Thượng tá Bùi Huy D-Phó trưởng Công an Thị xã G và dấu của Công an thị xã G giữa L và L. Ngày 21-4-2016, L đưa cho L số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, L mang hợp đồng chuyển nhượng đất đã nhờ M làm trước đó đến cho L xem rồi yêu cầu L đưa hết số tiền còn lại. Ngày 26-4-2016, L đưa cho L số tiền 82.000.000 đồng. Trong các giấy đặt cọc đất, giấy mượn tiền, giấy cam kết giao tiền và hợp đồng chuyển nhượng đất giữa L và L, L đều ghi họ và tên là Võ Tiến L.

Sau đó do biết lô đất L chuyển nhượng không phải của L nên ngày 17-5-2016, L đến gặp L và yêu cầu trả lại tiền thì L viết giấy hẹn nợ và cam kết sẽ trả cho L tổng số tiền mà L đã nhận là 150.000.000 đồng trong vòng một tháng. Tuy nhiên, sau đó L không trả tiền cho L mà bỏ trốn.

Vật chứng của vụ án: 01 hợp đồng mua bán, kèm theo sơ đồ khu đất; 01 giấy đặt cọc đất; 01 giấy mượn tiền; 01 giấy cam kết giao tiền và 01 giấy hẹn nợ.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng do Vũ Đức L đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong không thu giữ được.

Tại các Kết luận giám định số 72-GĐTL/PC54 ngày 08-12-2016, số 15-GĐPL/PC54 ngày 10-4-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận đối với hợp đồng mua bán, sơ đồ khu đất như sau: Hình dấu tròn đỏ có nội dung "CÔNG AN THỊ XÃ G CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG" dưới mục: "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN" trong hợp đồng mua bán giữa L và L được in bằng phương pháp in màu là không phải cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên: Bùi Huy D, dưới mục: "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN" trong hợp đồng mua bán giữa L và L được in bằng phương pháp in màu.

Tại bản Cáo trạng số 69/CTr-VKS, ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố Vũ Đức L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Vật chứng: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ bảo đảm cho quá trình xét xử đối với 01 hợp đồng mua bán kèm theo sơ đồ khu đất, 01 giấy đặt cọc đất, 01 giấy mượn tiền, 01 giấy cam kết giao tiền và 01 giấy hẹn nợ. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự, buộc Vũ Đức L phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa đã làm rõ: Từ ngày 15-3-2016 đến ngày 26-4-2016, mặc dù biết lô đất tại lô 11 khoảnh 13 Tiểu khu 1668 tọa lạc tại Bon R xã Q, huyện Đ, có diện tích 2,72ha· là do Công ty TNHH MTV Đ quản lý nhưng Vũ Đức L nói dối với Bùi Thị L là đất của L rồi thỏa thuận chuyển nhượng cho L, để L tin tưởng, L còn dùng thủ đoạn gian dối làm giả hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của Công an thị xã G để chiếm đoạt của L số tiền 150.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cụ thể: Tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự quy định:

*"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

*...*

*e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*

*3. ..."*

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tiền án, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 41/2015/HS-PT ngày 21-4-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt L 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-12-2015, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải bị áp dụng

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Đối với việc xác định Công ty TNHH MTV Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng quá trình xét xử không phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với Công ty nên Công ty TNHH MTV Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Vật chứng: Đối với 01 hợp đồng mua bán kèm theo sơ đồ khu đất, 01 giấy đặt cọc đất, 01 giấy mượn tiền, 01 giấy cam kết giao tiền và 01 giấy hẹn nợ, tiếp tục lưu trong hồ sơ để làm căn cứ cho quá trình giải quyết vụ án.

[6] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự, buộc Vũ Đức L phải trả cho Bùi Thị L số tiền đã chiếm đoạt là 150.000.000 đồng.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Đức L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức L 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-8-2017.

**2. Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự, buộc Vũ Đức L phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền 150.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**3. Án phí:** Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Đức L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Võ Văn Vinh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.